TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-11-2019.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Minh Biên**
2. Bà **Trần Thị Hoài**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trần Thị Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Quân** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1940/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lò Ngọc Th**; Sinh ngày 28-02-1982;

Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Địa chỉ: Thôn T, xã Trung Th, huyện V, tỉnh H. Hôm nay vắng mặt (Đã có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Phan Thị N**; Sinh ngày 27-7-1985;

Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Làm ruộng;

Nơi ĐKHKTT: Thôn Nà C, xã Phú L, huyện V, tỉnh H; Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Trung Th, huyện V, tỉnh H. Hôm nay vắng mặt (Đã có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2019 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Lò Ngọc Th trình bày: Anh Th và bị đơn là chị Phan Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21-6-2005 tại Ủy ban nhân dân xã Trung T, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ, chồng anh Th, chị N chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình anh Th, chị N có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Vợ, chồng anh đã sống ly thân từ đầu năm 2009 cho đến nay. Anh Th cảm thấy vợ chồng không còn yêu thương quý trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay Anh Th nhận thấy mâu thuẫn của vợ, chồng ngày càng

trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với chị N

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có một con chung: Cháu Lò Thị Kim Th- Sinh ngày: 07-11-2005.

Hiện nay cháu đang ở với vợ, chồng anh tại Thôn T, xã Trung Th, huyện V, tỉnh H. Khi ly hôn Anh Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Th không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm mom con theo quy định pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Quá trình chung sống vợ, chồng anh Th, chị N không tạo lập được khối tài sản chung nào, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng: Vợ, chồng anh Th, chị N không có tranh chấp về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ghi ngày 25-9-2019 của bị đơn là chị Phan Thị N trình bày: Chị N và Anh Th trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Có đăng ký kết hôn vào ngày 21-6-2005 tại Ủy ban nhân dân xã Trung T, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ, chồng chị N chung sống bình thường được một thời gian, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình chị có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, súc phạm lẫn nhau vợ chồng chị tuy sống chung trong một nhà, đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2009 cho đến nay, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Chị N xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên có quan điểm nhất trí ly hôn với Anh Th để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có một con chung: Cháu Lò Thị Kim Th- Sinh ngày: 07-11-2005.

Hiện nay cháu đang ở với vợ, chồng chị tại Thôn T, xã Trung Th, huyện V, tỉnh H. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng giao cháu Th cho anh Lò Ngọc Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi (vì nguyện vọng của cháu Th xin được ở với anh Th). Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm mon con theo quy định pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị N, Anh Th không tạo lập được khối tài sản chung nào, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng: Vợ, chồng chị N, anh Th không có tranh chấp về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vì đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị không tiến hành hòa giải. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Lò Văn Th vắng mặt có lý do (Anh Th đã có đơn xin giải quyết vắng mặt). Chủ tọa phiên tòa công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và những tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Anh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Anh Th có quan điểm đề nghị giải quyết cho Anh Th ly hôn với chị N để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về phần con chung: Anh Th có quan điểm sau khi

ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Thị Kim Th đến khi cháu Th trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Th không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ, Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Phan Thị N vắng mặt có lý do (Chị N đã có đơn xin giải quyết vắng mặt). Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung đơn xin giải quyết vắng mặt của chị N Về quan hệ hôn nhân, chị N có quan điểm nhất trí ly hôn với Anh Th để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về phần con chung chị N giữ nguyên quan điểm sau khi ly hôn, chị sẽ giao cháu Lò Thị Kim Th cho anh Lò Ngọc Th nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Th trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của anh Lò Ngọc Th đối với chị Phan Thị N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Lò Ngọc Th và chị Phan Thị N ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Kim Th- Sinh ngày: 07-11-2005 cho anh Lò Ngọc Th - Địa chỉ: Thôn T, xã Trung Th, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Th trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 12-11-2019.

Chị Phan Thị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Th. Chị N có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4.Về tài sản, công nợ: Anh Th và chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Lò Ngọc Th có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết việc hôn nhân của Anh Thđối với chị N theo quy định tại

Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Ngọc Th và chị Phan Thị N xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 21-6-2005 tại Ủy ban nhân dân xã Trung T, huyện V, tỉnh H nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau vợ, chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do vợ, chồng có nhiều quan điểm bất đồng, trái ngược nhau trong công việc làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã đánh chửi nhau. Anh Th và chị N đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2009 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên Anh Th có đơn xin ly hôn với chị N Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa Anh Th và chị N cuộc sống chung không hoà hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã đánh chửi lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Th đối với chị N là phù hợp.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Cháu Lò Thị Kim Th- Sinh ngày: 07-11-2005 có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với Anh Th để đảm bảo cho cuộc sống và học tập. Phù hợp với quan điểm của anh Th, chị N đề nghị Tòa án giao cháu Lò Thị Kim Th- Sinh ngày: 07-11-2005 cho Anh Th nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Th trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy Tòa án cần chấp nhận ý kiến của cháu Th và anh Th, chị N giao cháu Lò Thị Kim Th- Sinh ngày: 07-11-2005 cho anh Lò Ngọc Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lò Thị Kim Th trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 12-11-2019.

Chị Phan Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, công nợ: Anh Lò Ngọc Th và chị Phan Thị N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Lò Ngọc Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Anh Lò Ngọc Th và chị Phan Thị N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ :

Áp dụng: khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[2] Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của anh Lò Ngọc Th đối với chị Phan Thị N.

2. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Ngọc Th và chị Phan Thị N ly hôn.

3. Về con chung: Giao Lò Thị Kim Th- Sinh ngày: 07-11-2005 cho anh Lò Ngọc Th - Địa chỉ: Thôn T, xã Trung Th, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Lò Thị Kim Th trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 12-11-2019.

Chị Phan Thị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Th. Chị N có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Anh Lò Ngọc Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 01182 ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H (Anh Th đã nộp đủ tiền án phí).

5. Quyền kháng cáo: Báo cho anh Lò Ngọc Th và chị Phan Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện V;*
- *TAND tỉnh;*
- *UBND xã Trung T, huyện V, Tỉnh H;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự- V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Anh Luyện